

Bản án số: 35/2020/HS-ST

Ngày 18 - 9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Nguyễn Hữu Thiện

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kiều Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 691/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Tạ Vũ Q; sinh ngày 16 tháng 3 năm 1976; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu tập thể M, Chùa B, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đình H (đã chết) và bà Cao Thị B1 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị T2 (đã ly hôn); con: 01 đứa, hiện đang sống với mẹ; tiền án: Ngày 16/3/2009 bị Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt 8 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Chấp hành án xong năm 2016), chưa được xoá án tích; tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Chị Trần Thị Hải Y; Sinh ngày: 01/01/1991; Trú tại: Tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bà Trần Thị H2; Sinh ngày: 15/12/1966; Trú tại: Thôn 4, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh N2; Sinh ngày: 05/01/1984; Trú tại: Thôn 4, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.

4. Bà Trần Thị Sông H3; Sinh ngày: 10/10/1977; Trú tại: Tổ dân phố H4, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
5. Ông Trần Đình T3; Sinh ngày: 07/6/1976; Trú tại: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
6. Bà Hoàng Tú A; Sinh ngày: 14/10/1977; Trú tại: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
7. Anh Nguyễn Văn Đ2; Sinh ngày: 15/8/1980; Trú tại: Thôn 12, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
8. Bà Phạm Thị Thu H5; sinh ngày: 18/6/1977; Trú tại: Thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
9. Chị Nguyễn Thị Hồng N3; Sinh ngày: 17/7/1997; Trú tại: Thôn C, xã C, huyện Q, Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
10. Bà Phạm Thị N4; Sinh ngày: 04/4/1964; Trú tại: Thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
11. Chị Trương Thị Mỹ V; Sinh ngày: 08/01/1985; Trú tại: Thôn N, xã Q, huyện Q, Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
12. Ông Trần T6; Sinh ngày: 20/5/1960; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
13. Anh Lê Anh D1; Sinh ngày: 02/9/1986; Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
14. Bà Nguyễn Thị Thuý N5; Sinh ngày: 02/9/1979; Trú tại: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
15. Chị Trần Thị Y1; Sinh ngày: 04/02/1990; Trú tại: Thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
16. Bà Trần Thị Kim T9; Sinh ngày: 19/9/1965; Trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
17. Bà Hoàng Thị V1; Sinh ngày: 02/01/1972; Trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
18. Chị Trần Thị H6; Sinh ngày: 11/6/1983; Trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.
19. Anh Võ Xuân T10; Sinh ngày: 10/9/1989; Trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 04/2019, Tạ Vũ Q sinh năm 1976, thường trú tại quận Đ, thành phố Hà Nội đến thuê nhà tại Tổ Dân Phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để hoạt động cho vay với lãi suất cao. Q đã tiến hành in và rải tờ rơi có ghi thông tin cho vay trả góp kèm theo số điện thoại 0866.766.323 (số của Q), ai có nhu cầu vay tiền thì gọi điện đến gặp Q, Q lấy tên là “L2” để liên lạc. Khi có người cần vay tiền, Q trực tiếp đến gặp tại nhà trọ hoặc quán bán hàng của người vay, sau đó thỏa thuận cho vay, hình thức vay trả góp theo ngày và lãi suất vay. Nguồn tiền Q sử dụng để cho vay là tiền của Q, những người vay từ Q chủ yếu là giao dịch bằng miệng, cuối ngày Q ghi danh sách vào giấy rồi dùng điện thoại di động chụp ảnh lưu lại để ghi nhớ và quản lý. Bằng những phương thức trên, từ tháng 8/2019 cho đến tháng 10/2019 Tạ Vũ Q đã cho 19 người ở các địa bàn: Đ; B; B Đ1; Q (tỉnh Quảng Bình) vay 32 gói vay, với tổng số tiền 191.000.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu đồng), mức lãi suất thấp nhất 182.5%/năm cao nhất 291.8%/năm, gấp 9,7 đến 14,6 lần mức lãi suất tối đa mà Bộ luật dân sự cho phép. Từ các gói vay trên, tiền thu vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất Bộ luật Dân sự cho phép là 32.317.330 (*Ba mươi hai triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi đồng*) và phí công thu 3.200.000 đồng, tổng số tiền Tạ Vũ Q thu lợi bất chính là 35.517.330 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi đồng*). Hành vi cho vay của Tạ Vũ Q được thực hiện cụ thể như sau:

1. Trần Thị Hải Y, sinh ngày 01/01/1991, trú tại: Tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ vay 01 gói:

Ngày 19/9/2019 Trần Thị Hải Y vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 182.5%/năm. Gói vay Q đã thu đủ 40 ngày, với tổng số tiền là 6.000.000 đồng, trong đó: thu lợi bất chính **890.411 đồng**. Trần Thị Hải Y đã trả đủ tiền gốc.

2. Trần Thị H2, sinh ngày 15/12/1966, trú tại: Thôn 4, xã L, thành phố Đ vay 03 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 31/8/2019 chị Trần Thị H2 vay của Q 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, tương ứng lãi suất 204.8%/năm. Gói này Q đã thu đủ 41 ngày, với tổng số tiền là 12.300.000đ, trong đó thu lợi bất chính **2.075.342đồng**. Chị H2 đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 09/9/2019 chị Trần Thị H2 vay 5.000.000đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng/ngày, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu đủ 43 ngày, với tổng số tiền là 6.450.000đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.332.192đồng**. Chị H2 đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 29/9/2019 chị Trần Thị H2 vay của Q 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, tương ứng lãi suất 204.8%/năm. Gói này Q đã thu được 08 ngày, với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **404.945đồng**. Gói này chị H2 còn phải trả tiền gốc là: 8.048.780 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 gói là: **3.812.479 đồng**.

Tiền gốc còn lại chị H2 phải trả là: 8.048.780 đồng.

3. Nguyễn Thị Thanh N2, sinh ngày 05/01/1984, trú tại: Thôn 4, xã L, thành phố Đ vay 03 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 09/9/2019 chị N2 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 204.5%/năm. Gói này Q đã thu đủ 41 ngày, với tổng số tiền là 6.150.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.037.671 đồng**. Chị N2 đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 10/9/2019 chị N2 vay của Q 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tương ứng lãi suất 291.8%/năm. Gói này Q đã thu đủ 43 ngày, với tổng số tiền là 10.750.000đ, trong đó thu lợi bất chính **2.561.507đồng**. Ngoài ra phí công thu là 200.000 đồng. Chị N2 đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 3: Ngày 20/9/2019 chị N2 vay của Q 7.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 200.000 đồng, tương ứng lãi suất 194.0%/năm. Gói này Q đã thu được 18 ngày, với tổng số tiền là 3.600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **600.726 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 200.000 đồng. Gói này chị N2 còn nợ lại tiền gốc là: 4.069.767 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 gói là: **4.199.904 đồng**.

Phí công thu là: 400.000 đồng.

Tiền gốc còn lại chị N2 phải trả là: 4.069.767 đồng

4. Trần Thị Sông H3, sinh ngày 10/10/1977, cư trú tại: Tổ dân phố, phường Q, thị xã B vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 18/8/2019 chị H3 vay của Q 5.000.00 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu đủ 43 ngày, với tổng số tiền là 6.450.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.332.192 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này chị H3 trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 30/9/2019 chị H3 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 08 ngày, với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **247.850 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này chị H3 còn phải lại tiền gốc là: 4.069.767đồng.

- Gói 3: Ngày 07/10/2019 chị H3 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 01 ngày, với tổng số tiền là 150.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **30.981 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này chị H3 còn phải lại tiền gốc là: 4.883.721 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 gói là: **1.611.023 đồng**.

Phí công thu là: 450.000 đồng.

Tiền gốc còn lại chị H3 phải trả là: 8.953.488 đồng.

5. Trần Đình T3, sinh ngày 07/6/1976, trú tại: Thôn 2, xã L, thành phố Đ vay 02 gói, cụ thể:

- Gói 1: Ngày 31/8/2019 anh T3 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu đủ 43 ngày, với tổng số tiền là 6.450.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.332.192 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 100.000 đồng. Gói này anh T3 đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 21/9/2019 anh T3 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 17 ngày, với tổng số tiền là 2.550.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **526.680 đồng**. Gói này anh T3 còn phải lại tiền gốc là: 3.023.256 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 02 gói là: **1.858.872 đồng**.

Phí công thu là: 100.000 đồng.

Tiền gốc còn lại anh T3 phải trả là: 3.023.256 đồng

6. Hoàng Tú A, sinh ngày 14/10/1977, trú tại: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, vay 01 gói:

Ngày 27/9/2019 Hoàng Tú A vay của Q 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 300.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 11 ngày, với tổng số tiền là 3.300.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **681.586 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 600.000 đồng. Gói này A còn nợ lại tiền gốc là: 7.441.860 đồng.

7. Nguyễn Văn Đ2, sinh ngày 15/8/1980, trú tại: Thôn 12, xã L, thành phố Đ vay 02 gói:

- Gói 1: Ngày 16/9/2019 anh Đ2 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu đủ 43 ngày, với tổng số tiền là 6.450.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.332.192 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này anh Đ2 đã trả đủ tiền gốc.

- Gói 2: Ngày 30/9/2019 anh Đ2 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 08 ngày, với tổng số tiền là 1.200.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **247.850 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này anh Đ2 còn nợ lại tiền gốc là: 4.069.767 đồng

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 02 gói là: **1.580.042 đồng**.

Phí công thu là: 300.000 đồng.

Tiền gốc còn lại anh Đ2 phải trả là: 4.069.767 đồng.

8. Phạm Thị Thu H5, sinh ngày 18/6/1977, trú tại: Thôn L, xã C, huyện Q, Quảng Bình, vay 03 gói:

- Gói 1: Ngày 06/9/2019 chị H5 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 31 ngày, với tổng số tiền là 4.650.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **960.417 đồng**. Gói này chị H5 còn phải trả lại tiền gốc: 1.395.349 đồng.

- Gói 2: Ngày 13/9/2019 chị H5 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 25 ngày, với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **774.530 đồng**. Gói này chị H5 còn phải trả lại tiền gốc là: 2.093.023 đồng.

- Gói 3: Ngày 27/9/2019 chị H5 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 11 ngày, với tổng số tiền là 1.650.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **340.793 đồng**. Gói này chị H5 còn phải trả lại tiền gốc là: 3.720.930 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 03 gói là: **2.075.740 đồng**.

Tiền gốc còn lại Chị H5 phải trả là: 7.209.302 đồng.

9. Nguyễn Thị Hồng N3, sinh ngày 17/7/1997, trú tại: Thôn T, xã C, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 03/10/2019 chị N3 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu được 04 ngày, với tổng số tiền là 600.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **123.925 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này chị N3 còn phải trả lại tiền gốc: 4.534.884 đồng.

10. Phạm Thị N4, sinh ngày 04/4/1964, trú tại: Thôn L, xã C, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 15/9/2019 chị N4 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 246.2%/năm. Gói này Q đã thu đủ 43 ngày, với tổng số tiền là 6.450.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.332.192 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này chị N4 đã trả đủ tiền gốc.

11. Trương Thị Mỹ V, sinh ngày 08/01/1985, trú tại: Thôn N, xã Q, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 08/9/2019 chị V vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 204.8%/năm. Gói này Q đã thu được 29 ngày, với tổng số tiền là 4.350.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **733.963 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này chị V còn phải trả lại tiền gốc: 1.463.415 đồng.

12. Trần T6, sinh ngày 20/5/1960, trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, vay 01 gói:

Ngày 04/9/2019 anh Trần T6 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 42 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 226%/năm. Gói này Q đã thu được 34 ngày, với tổng số tiền là 5.100.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **959.230 đồng**. Ngoài ra phí công thu là 150.000 đồng. Gói này anh T6 còn phải trả lại tiền gốc: 952.381 đồng.

13. Lê Anh D1, sinh ngày 02/9/1986, trú tại: Thôn T, xã Q, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 07/9/2019 anh D1 vay của Q 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 43 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tương ứng lãi suất 291.8%/năm. Gói này Q đã thu được 31 ngày, với tổng số tiền là 7.750.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.846.668 đồng**. Gói này anh D1 còn phải trả lại tiền gốc: 2.232.558 đồng.

14. Nguyễn Thị Thúy N5, sinh ngày 02/9/1979, trú tại: Thôn T, xã C, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 01/9/2019 chị N5 vay của Q 8.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 250.000 đồng, tương ứng lãi suất 250.4%/năm. Gói này Q đã thu được 37 ngày, với tổng số tiền là 9.250.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.868.296 đồng**. Gói này chị N5 còn phải trả lại tiền gốc: 780.488 đồng.

15. Trần Thị Y1, sinh ngày 04/2/1990, trú tại: Thôn T xã C, huyện Q, vay 02 gói:

Gói 1: Ngày 13/9/2019 chị Y1 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 183%/năm. Gói này Q đã thu được 34 ngày, với tổng số tiền là 5.100.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **756.849 đồng**. Gói này chị Y1 còn phải trả lại tiền gốc: 750.000 đồng.

Gói 2: Ngày 19/9/2019 chị Y1 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 183%/năm. Gói này Q đã thu được 19 ngày, với tổng số tiền là 2.850.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **422.945 đồng**. Chị Y1 còn phải trả lại tiền gốc là: 2.625.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 02 gói là: **1.179.794 đồng**.

Tiền gốc còn lại chị Y1 phải trả là: 3.375.000 đồng.

16. Trần Thị Kim T9, sinh ngày 19/9/1965, trú tại: Khu phố 4, phường B, thị xã B, vay 01 gói:

Ngày 30/8/2019 chị T9 vay của Q 10.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 320.000 đồng, tương ứng lãi suất 278%/năm. Gói này Q đã thu được 38 ngày, với tổng số tiền là 12.160.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **2.683.488 đồng**. Chị T9 còn phải trả lại tiền gốc: 731.707 đồng.

17. Hoàng Thị V1, sinh ngày 02/01/1972, trú tại: Thôn T, xã T, huyện B, vay 03 gói:

Gói 1: Ngày 02/9/2019 chị V1 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 160.000 đồng, tương ứng lãi suất 278%/năm. Gói này Q đã thu được 36 ngày, với tổng số tiền là 5.760.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.271.126 đồng**. Ngoài ra phí công thu: 150.000 đồng. Chị V1 còn nợ lại tiền gốc: 609.756 đồng.

Gói 2: Ngày 08/9/2019 chị V1 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 160.000 đồng, tương ứng lãi suất 278%/năm. Gói này Q đã thu được 30 ngày, với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.059.272 đồng**. Ngoài ra phí công thu: 150.000 đồng. Chị V1 còn nợ lại tiền gốc: 1.341.463 đồng.

Gói 3: Ngày 26/9/2019 chị V1 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 160.000 đồng, tương ứng lãi suất 278%/năm. Gói này Q đã thu được 12 ngày, với tổng số tiền là 1.920.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **423.709 đồng**. Ngoài ra phí công thu: 150.000 đồng. Chị V1 còn nợ lại tiền gốc: 3.536.585 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của 02 gói là: **2.754.107 đồng**.

Phí công thu là: 450.000 đồng.

Tiền gốc còn lại chị V1 phải trả là: 5.487.804 đồng.

18. Trần Thị H6, sinh ngày 11/6/1983, trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 05/9/2019 chị H6 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 41 ngày, mỗi ngày trả 150.000 đồng, tương ứng lãi suất 205%/năm. Q đã thu được 33 ngày, với tổng số tiền là 4.950.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **835.19 đồng**. Chị H6 còn nợ lại tiền gốc: 975.610 đồng.

Phí công thu là: 150.000 đồng.

19. Võ Xuân T10, sinh ngày 10/9/1989, trú tại: Thôn X, xã Q, huyện Q, vay 01 gói:

Ngày 26/9/2019 anh T10 vay của Q 5.000.000 đồng, thỏa thuận trả cả gốc và lãi trong thời hạn 40 ngày, mỗi ngày trả 160.000 đồng, tương ứng lãi suất 256%/năm. Gói này Q đã thu đủ 40 ngày, với tổng số tiền là 6.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính **1.290.411 đồng**. Ngoài ra phí công thu: 150.000 đồng anh T đã trả đủ tiền gốc.

Như vậy, Tạ Vũ Q đã thu của 19 người vay với tổng số tiền gốc là 127.649.930 đồng, tiền lãi 20% (được phép thu) là 2.992.740 đồng, tiền thu vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất Bộ luật dân sự cho phép là 32.317.330 đồng (*Ba mươi hai triệu ba trăm mười bảy nghìn ba trăm ba mươi đồng*), phí công thu của các gói vay là 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*). Còn lại số tiền gốc người vay chưa trả lại là 63.350.070 đồng (*Sáu mươi ba triệu ba trăm năm mươi ngàn không trăm linh bảy đồng*).

Về vật chứng của vụ án: Quá trình khám xét Cơ quan điều tra đã thu giữ gồm: 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, dạng phím cứng, gắn thẻ sim 0866.766.323; 01 (một) một máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, dạng máy cảm ứng; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 029908, mang tên Nguyễn Thị T11, BKS: 73N7. 9310; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, mang BKS: 73N7-9310; Tiền Ngân nhà nước Việt Nam: 6.780.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Tạ Vũ Q chưa khắc phục hậu quả trong vụ án.

Cáo trạng số: 414/VKSQB-P3 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố Tạ Vũ Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Vũ Q *từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng*. Đề nghị tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền cho vay (tiền gốc) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm; buộc bị cáo phải trả lại khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm và khoản tiền phí cho người vay. Buộc các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc đã vay chưa trả cho bị cáo Tạ Vũ Q để sung vào ngân sách Nhà nước. Đề nghị tịch thu hoá giá bán sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, dạng phím cứng, gắn thẻ sim 0866.766.323; 01 (một) một máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen, dạng máy cảm ứng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, mang BKS: 73N7-9310 và 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 029908, mang tên Nguyễn Thị T11, BKS: 73N7. 9310. Tiếp tục tạm giữ 6.780.000 đồng của bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Tạ Vũ Q, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Tạ vũ Q đã khai nhận: Từ tháng 4/2019, bị cáo Q đã từ Hà Nội vào Quảng Bình để thực hiện việc cho vay tiền với lãi suất cao. Quá trình cho vay do một mình bị cáo thực hiện, số tiền cho vay là tiền riêng của bị cáo. Tạ Vũ Q đã tiến hành in và rải tờ rơi có ghi thông tin cho vay trả góp kèm theo số điện thoại 0866.766.323 (số của Q), ai có nhu cầu vay tiền thì gọi điện đến gặp Q, sau đó Q và người vay thỏa thuận hình thức vay trả góp theo ngày và lãi suất vay. Từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2019, Tạ Vũ Q đã cho 19 người vay 32 gói vay, với tổng số tiền gốc là 191.000.000 đồng, mức lãi suất thấp nhất 182.5%/năm, cao nhất 291.8%/năm. Từ các gói vay trên, Tạ Vũ Q đã thu tiền lãi tổng cộng 35.240.070 đồng, ngoài ra Q còn thu thêm một khoản phí từ người vay là 3.200.000 đồng. Hiện tại người vay còn nợ tiền gốc của Q 63.350.070 đồng.

Xét thấy, lời khai của bị cáo Tạ Vũ Q tại phiên toà đúng với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được; phù hợp với lời khai của những người đã vay tiền của bị cáo. Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Tạ Vũ Q đã có hành vi cho người khác vay tiền để thu lãi với mức lãi suất từ 182.5%/năm, cao nhất 291.8%/năm, mức lãi trên đã vượt quá từ 9,7 đến 14,6 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tạ Vũ Q đã thu về khoản tiền lãi tổng cộng 35.240.070 đồng, trong đó tiền lãi được phép thu (tương đương 20%/năm) là 2.922.740 đồng, tiền thu lợi bất chính (lãi thu vượt quá quy định) là 32.317.330 đồng; ngoài ra Q còn thu thêm một khoản phí từ người vay là 3.200.000 đồng, như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo Q (Tiền lãi quá định + tiền phí) là 35.517.330 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Tạ Vũ Q đã phạm vào tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo Tạ Vũ Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quy định của Nhà nước trong lĩnh vực cho vay, xâm phạm vào trật tự quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang lo sợ của những người được bị cáo cho vay với lãi suất cao khi đến hạn không trả được nợ vay và tiền lãi, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử phạt mức án nghiêm minh để trừng trị đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm đang có chiều hướng gia tăng hiện nay.

Hiện tại bị cáo Tạ Vũ Q không có việc làm và chưa có chỗ ở ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[4] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:*

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Tạ Vũ Q đã bị kết án, chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội mới nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo luôn khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] *Các biện pháp tư pháp:*

[5.1] *Tịch thu, trả lại tài sản (Tiền) liên quan đến tội phạm:*

Đối với khoản tiền cho vay (tiền gốc) và khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm được tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm và khoản tiền phí mà người phạm tội thu thêm của người vay là khoản tiền mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên buộc người phạm tội trả lại cho người vay. Tịch thu tại người vay số tiền vay (Tiền gốc) mà người vay chưa trả cho bị cáo để sung công.

[5.2] *Xử lý vật chứng:* Cơ quan điều tra đã thu giữ các tang vật chứng sau: 01

(một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, dạng phím cứng, gắn thẻ sim 0866.766.323; 01 (một) một máy điện thoại di động (đã qua sử dụng) nhãn hiệu OPPO, màu đen, dạng máy cảm ứng; 01 (một) giấy đăng ký mô tô, xe máy số 029908, mang tên Nguyễn Thị T11, BKS: 73N7. 9310; 01(một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, mang BKS: 73N7-9310; Tiền Ngân nhà nước Việt Nam: 6.780.000 đồng.

Theo kết quả điều tra và xét xử thì: Chiếc xe mô tô, nhãn hiệu YAMAHA – Sirius, màu đỏ, biển kiểm soát: 73N7-9310 và giấy đăng ký xe (mang tên Nguyễn Thị T11) là do Tạ Vũ Q mua từ tiệm cầm đồ (chưa làm thủ tục sang tên) để làm phương tiện đi lại hoạt động cho vay. Trong quá trình điều tra phương tiện trên không phát sinh tranh chấp và không thuộc vụ án hình sự nào, nên được tịch thu hoá giá bán sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Đối với 02 điện thoại di động đều thuộc quyền sở hữu của Tạ Vũ Q và được Q sử dụng vào việc phạm tội nên cũng được tịch thu hoá giá bán sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

Đối với số tiền 6.780.000 đồng (thu giữ tại nơi ở của bị cáo), bị cáo Q khai đây là tiền mà bị cáo thu từ người vay về, nên cần tịch thu và được khấu trừ vào số tiền gốc mà bị cáo phải nộp để sung công.

[6]. Về án phí: Bị cáo Tạ Vũ Q phải chịu án hình sự sơ thẩm theo quy định và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo còn phải có nghĩa vụ trả lại cho người vay tiền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Tạ Vũ Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. *Về hình phạt:* Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Xử phạt bị cáo **Tạ Vũ Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.**

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Tạ Vũ Q tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Q, Quận Đ, thành phố Hà Nội nhận được Quyết định thi hành án và Bản án có hiệu lực của Tòa án.

Giao bị cáo Tạ Vũ Q cho Ủy ban nhân dân phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Q có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Q.

Trong thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Tạ Vũ Q phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ.

3. *Về các biện pháp tư pháp:* Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. *Tịch thu toàn bộ số tiền cho vay (tiền gốc) tại người cho vay và tại người vay để sung vào công quỹ Nhà nước, trong đó:*

- Tịch thu tại bị cáo Tạ Vũ Q số tiền 127.649.930 đồng;
- Tịch thu tại người vay số tiền gốc chưa trả 63.350.070 đồng, bao gồm:

Tịch thu tại: Bà Trần Thị H2 8.048.780 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh N2 4.069.767 đồng; bà Trần Thị Sông H3 8.953.488 đồng; ông Trần Đình T3 3.023.256 đồng; bà Hoàng Tú A 7.441.860 đồng; anh Nguyễn Văn Đ2 4.069.767 đồng; bà Phạm Thị Thu H5 7.209.302 đồng; chị Nguyễn Thị Hồng N3 4.534.884 đồng; chị Trương Thị Mỹ V 1.463.415 đồng; ông Trần T6 952.381 đồng; anh Lê Anh D1 2.232.558 đồng; bà Nguyễn Thị Thuý N5 780.488 đồng; chị Trần Thị Y1 3.375.000 đồng; bà Trần Thị Kim T9 731.707 đồng; bà Hoàng Thị V1 5.487.804 đồng; chị Trần Thị H6 975.610 đồng.

3.2. Tịch thu tại bị cáo Tạ Vũ Q 2.992.740 đồng (số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm) để sung vào công quỹ Nhà nước.

3.3. Buộc bị cáo Tạ Vũ Q phải trả lại 32.317.330 đồng tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi suất cho vay vượt quá 20%/năm) cho người vay tiền (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án), cụ thể:

Trả lại cho: Chị Trần Thị Hải Y 890.411 đồng, bà Trần Thị H2 3.812.479 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh N2 4.199.904 đồng, bà Trần Thị Sông H3 1.611.023 đồng, anh Trần Đình T3 1.858.872 đồng, bà Hoàng Tú A 681.586 đồng, anh Nguyễn Văn Đ2 1.580.042 đồng, bà Phạm Thị Thu H5 2.075.740 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng N3 123.925 đồng, bà Phạm Thị N4 1.332.192 đồng, chị Trương Thị Mỹ V 733.963 đồng, ông Trần T6 959.230 đồng, anh Lê Anh D1 1.846.668 đồng, bà Nguyễn Thị Thuý N5 1.868.296 đồng, chị Trần Thị Y1 1.179.794 đồng, bà Trần Thị Kim T9 2.683.488 đồng, bà Hoàng Thị V1 2.754.107 đồng, chị Trần Thị H6 835.199 đồng, anh Võ Xuân T10 1.290.411 đồng.

3.4. Buộc bị cáo Tạ Vũ Q phải trả lại 3.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính (tiền thu phí của người vay) cho người vay tiền (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án), cụ thể:

Trả lại cho: Chị Nguyễn Thị Thanh N2 400.000 đồng, bà Trần Thị Sông H3 450.000 đồng, ông Trần Đình T3 100.000 đồng, bà Hoàng Tú A 600.000 đồng, anh Nguyễn Văn Đ2 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Hồng N3 150.000 đồng, bà Phạm Thị N4 150.000 đồng, chị Trương Thị Mỹ V 150.000 đồng, ông Trần T6 150.000 đồng, bà Hoàng Thị V1 450.000 đồng, anh Võ Xuân T10 150.000 đồng và chị Trần Thị H6 150.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; 01 một máy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 029908, mang tên Nguyễn Thị T11 (*Toàn bộ số vật chứng trên có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình ngày 10/7/2020*).

- Số tiền mà Cơ quan điều tra thu của Tạ Vũ Q 6.780.000 đồng hiện đang có tại Tài khoản của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình được tịch thu để khấu trừ vào số tiền gốc mà bị cáo Tạ Vũ Q phải nộp để sung công.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Tạ Vũ Q phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Tạ Vũ Q phải chịu 1.775.866 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- PV 27 Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo Tạ Vũ Q;
- Người có QL&NV liên quan trong vụ án;
- Lưu: Toà HS; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ